

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 689/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Bích H, sinh ngày 09/11/1994; căn cước công dân 094194005255, ngày 24/11/2022. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Phòng 55, Nhà trọ Trần Thế N, số B, Tổ G, khu phố L, phường T, thành phố Đ, vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Thạch G, sinh ngày 01/01/1989; căn cước công dân 094089018004, ngày 19/11/2022; Cư trú tại: Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Bích H và anh Thạch G tổ chức lễ cưới năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

(nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa trong cuộc sống không còn chung sống trong thời gian dài, anh chị ly thân từ tháng 01/2026 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh G; Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh G có ba người con chung tên là Thạch K, sinh ngày 10/4/2011, Thạch Hoàng K1, sinh ngày 26/10/2015, Thạch Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2021, hiện cháu K và cháu K1 đang sống chung với chị H; cháu Quỳnh A đang sống với anh G. Chị H yêu cầu nuôi con chung là Thạch K, sinh ngày 10/4/2011, Thạch Hoàng K1, sinh ngày 26/10/2015 cho đến khi cháu K và cháu K1 thành niên; Yêu cầu giao con chung Thạch Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2021 cho anh G nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Thạch G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh G không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh G vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự Thạch Thị T, ngày 07/7/2026, chị T trình bày: Anh Thạch G là anh ruột của chị G, anh G đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh G không đến Tòa án vì bận đi làm xa. Trong quá trình chung sống chị H và anh G có ba con chung Thạch Khang, sinh ngày 10/4/2011, Thạch Hoàng K1, sinh ngày 26/10/2015, Thạch Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2021, hiện cháu K và cháu K1 đang sống chung với chị H; Cháu Quỳnh A đang sống với anh G.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Xử cho chị H ly hôn với anh G; Về con chung: Giao con chung là Thạch K và Thạch Hoàng K1 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; Giao con chung là Thạch Thị Quỳnh A cho anh G nuôi dưỡng đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp

luật; Tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, không xem xét; Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đang cư trú tại ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Sơn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Sơn Thị Bích H được triệu tập hợp lệ vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Thạch G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H và anh G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2025 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị H và anh G không chung sống cùng nhau từ tháng 01/2026 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của chị H về con chung. Cháu Thạch K, sinh ngày 10/4/2011, Thạch Hoàng K1, sinh ngày 26/10/2015 hiện đang sống chung với chị H; Cháu Thạch Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2021 thì đang sống chung với anh G; Chị H và anh G đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt các con. Xét việc cháu K và cháu K1 sống với chị H, cháu Quỳnh A sống với anh G đã ổn định, nên cần tiếp tục giao cháu K và cháu K1 cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Quỳnh A cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật nhân và gia đình giao cháu Thạch K và Thạch Hoàng K1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K và cháu K1 thành niên; Giao cháu Thạch Thị Quỳnh A cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh G và chị H không ai được cản trở. Anh G và chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị H và anh G. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng, anh G không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu cấp dưỡng của chị H, nên chị H và anh G không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh G không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thạch G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Chị H phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 và khoản Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Bích H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Sơn Thị Bích H và anh Thạch G ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch K và Thạch Hoàng K1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K và cháu K1 thành niên; Giao cháu Thạch Thị Quỳnh A cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh G và chị H không ai được cản trở. Anh G và chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị H và anh G. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G và chị H không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh G không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thạch G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009721 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan